



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư 5412100009 ngày 13 tháng 2 năm 2008

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 5403000048 ngày 29 tháng 3 năm 2007
1500482064 ngày 14 tháng 8 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1500482064 ngày 31 tháng 8 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên
Ông Lâm Du An	Thành viên
Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Phong	Thành viên
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Hồng Xanh	Thành viên
	(đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Việt Anh	Trưởng ban
Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Phong	Giám đốc
Ông Cao Phạm Trường	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Số 11, khóm Tân Vĩnh Thuận, Phường Tân Ngãi
Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch



Tỉnh Vĩnh Long, ngày 6 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00690-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		115.823.494.566	61.369.719.364
Tiền	110	5	42.117.268.672	7.113.415.258
Tiền	111		20.117.268.672	7.113.415.258
Các khoản tương đương tiền	112		22.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.650.014.366	751.306.897
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	10.216.513.000	455.413.725
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.408.001.366	270.393.172
Phải thu ngắn hạn khác	136		25.500.000	25.500.000
Hàng tồn kho	140	7	59.999.929.005	53.362.673.356
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.056.282.523	142.323.853
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.056.282.523	142.323.853
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		336.117.293.925	384.260.817.713
Các khoản phải thu dài hạn	210		17.025.000	17.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		17.025.000	17.025.000
Tài sản cố định	220		334.439.220.433	382.743.792.713
Tài sản cố định hữu hình	221	8	334.439.220.433	382.743.792.713
Nguyên giá	222		721.656.726.879	721.656.726.879
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(387.217.506.446)	(338.912.934.166)
Tài sản dở dang dài hạn	240		161.048.492	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		161.048.492	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9	1.500.000.000	1.500.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		451.940.788.491	445.630.537.077

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		201.624.204.102	177.819.177.616
Nợ ngắn hạn	310		201.624.204.102	171.219.177.616
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	5.584.364.203	15.368.930.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.900.873.568	18.024.448.462
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	156.944.378.752	55.069.899.146
Phải trả người lao động	314		11.099.288.097	11.516.613.931
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	6.980.729.442	4.905.596.767
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	4.364.000.000	3.618.096.000
Vay ngắn hạn	320	14(a)	-	60.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	2.750.570.040	2.715.592.886
Nợ dài hạn	330		-	6.600.000.000
Vay dài hạn	338	14(b)	-	6.600.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		250.316.584.389	267.811.359.461
Vốn chủ sở hữu	410	16	250.316.584.389	267.811.359.461
Vốn cổ phần	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	15.050.956.749	15.050.956.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.265.627.640	102.760.402.712
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		80.260.402.712	82.092.393.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.005.224.928	20.668.008.827
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		451.940.788.491	445.630.537.077

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	633.789.691.207	484.744.602.343
Giá vốn hàng bán	11	22	569.633.059.987	428.731.864.474
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		64.156.631.220	56.012.737.869
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.822.997.399	815.765.304
Chi phí tài chính	22		2.443.517.077	6.063.207.713
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.365.632.877	6.062.852.769
Chi phí bán hàng	25	23	6.586.744.551	6.391.029.619
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	16.117.612.161	15.798.810.254
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		40.831.754.830	28.575.455.587
Thu nhập khác	31		-	33.052.000
Chi phí khác	32	25	10.650.986.556	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(10.650.986.556)	33.052.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		30.180.768.274	28.608.507.587
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	8.070.005.192	5.800.077.243
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		22.110.763.082	22.808.430.344
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.334	1.211

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		30.180.768.274	28.608.507.587
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.304.572.280	48.604.825.584
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		76.614.818	(5.086.070)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.686.235.482)	(810.613.587)
Chi phí lãi vay	06		2.365.632.877	6.062.852.769
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		79.241.352.767	82.460.486.283
Biến động các khoản phải thu	09		(9.741.259.460)	4.300.560.638
Biến động hàng tồn kho	10		(6.637.255.649)	7.481.314.404
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		82.081.810.492	(6.327.196.101)
Biến động chi phí trả trước	12		(1.913.958.670)	25.233.822
			143.030.689.480	87.940.399.046
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.466.942.467)	(6.120.707.430)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.776.130.254)	(6.348.490.361)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.070.561.000)	(4.188.549.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		136.717.055.759	71.282.652.255
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.234.200.000)	(1.630.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.686.235.482	810.613.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		452.035.482	(819.386.413)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		467.000.000.000	385.900.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(533.600.000.000)	(429.800.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(35.565.375.000)	(25.136.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(102.165.375.000)	(69.036.625.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		35.003.716.241	1.426.640.842
Tiền đầu năm	60		7.113.415.258	5.686.840.063
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61		137.173	(65.647)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	42.117.268.672	7.113.415.258

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:

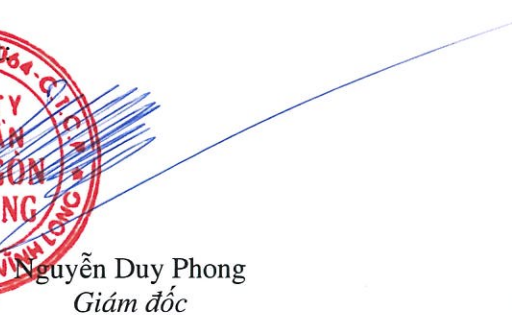


Nguyễn Thị Cẩm Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2022: 123 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 85.801 triệu VND (1/1/2022: 109.849 triệu VND). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và các khả năng duy trì khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng với giá trị là 150.000 triệu VND (1/1/2022: 90.000 triệu VND) và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn và không tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau.

- nhà cửa, vật kiến trúc 20 năm
- máy móc và thiết bị 5 – 15 năm
- phương tiện vận chuyển 5 – 10 năm
- thiết bị quản lý 3 – 5 năm
- tài sản khác 5 năm

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(o) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo khu vực địa lý		
	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng VND
2022			
Doanh thu	562.957.366.732	70.832.324.475	633.789.691.207
Giá vốn hàng bán	(515.007.082.596)	(54.625.977.391)	(569.633.059.987)
	47.950.284.136	16.206.347.084	64.156.631.220
2021			
Doanh thu	416.933.839.314	67.810.763.029	484.744.602.343
Giá vốn hàng bán	(373.370.362.953)	(55.361.501.521)	(428.731.864.474)
	43.563.476.361	12.449.261.508	56.012.737.869

Tài sản của Công ty đều nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	57.687.500	526.162.000
Tiền gửi ngân hàng	20.059.581.172	6.587.253.258
Các khoản tương đương tiền	22.000.000.000	-
	42.117.268.672	7.113.415.258

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất là 6% một năm (1/1/2022: không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	10.029.404.000	138.549.325
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	289.634.400
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	187.109.000	27.230.000
	10.216.513.000	455.413.725

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	28.573.268.235	-	21.439.257.399	-
Công cụ và dụng cụ	192.872.188	-	174.328.474	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.920.138.754	-	10.244.613.124	-
Thành phẩm	16.313.649.828	-	21.504.474.359	-
	59.999.929.005	-	53.362.673.356	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	201.600.870.311	513.495.342.390	5.916.390.542	467.123.636	177.000.000	721.656.726.879
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	79.116.720.154	254.118.989.872	5.150.036.705	350.187.435	177.000.000	338.912.934.166
Khấu hao trong năm	10.266.959.378	37.672.233.753	303.486.948	61.892.201	-	48.304.572.280
Số dư cuối năm	89.383.679.532	291.791.223.625	5.453.523.653	412.079.636	177.000.000	387.217.506.446
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	122.484.150.157	259.376.352.518	766.353.837	116.936.201	-	382.743.792.713
Số dư cuối năm	112.217.190.779	221.704.118.765	462.866.889	55.044.000	-	334.439.220.433

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 15.725 triệu VND (1/1/2022: 13.046 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 335.877 triệu VND (1/1/2022: 379.009 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2022 và 1/1/2022		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn - Vĩnh Long	150.000	25%	1.500.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	1.933.110.500	2.055.588.750
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	4.614.720.497
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.434.688.316
Các nhà cung cấp khác	3.651.253.703	5.263.932.861
	5.584.364.203	15.368.930.424

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	4.614.720.497
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	3.434.688.316
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	235.813.486

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.829.350.412	542.434.930.080	(482.263.036.521)	112.001.243.971
Thuế giá trị gia tăng	1.248.665.798	120.014.167.696	(84.916.096.603)	36.346.736.891
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.776.130.254	8.070.005.192	(1.776.130.254)	8.070.005.192
Thuế thu nhập cá nhân	185.525.000	3.575.770.073	(3.255.454.973)	505.840.100
Thuế tài nguyên	30.227.682	396.372.996	(406.048.080)	20.552.598
	55.069.899.146	674.491.246.037	(572.616.766.431)	156.944.378.752

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Mua hàng nhưng chưa có hóa đơn	3.263.422.889	1.112.841.733
Chi phí thay thế và bảo trì máy móc thiết bị	3.000.000.000	3.691.445.444
Chi phí lãi vay	-	101.309.590
Chi phí phải trả khác	717.306.553	-
	6.980.729.442	4.905.596.767

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Cổ tức phải trả	4.103.000.000	2.168.375.000
Phải trả ngắn hạn khác	261.000.000	1.449.721.000
	4.364.000.000	3.618.096.000



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	60.000.000.000	467.000.000.000	(527.000.000.000)	-	

Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	5,00% - 8,00%	-	60.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay như được trình bày tại Thuyết minh 14(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Vay dài hạn	-	6.600.000.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	6.600.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022	1/1/2022
				VND	VND
Vietinbank – Chi nhánh 4	VND	6,65%	2021 - 2023	-	6.600.000.000

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 335.877 triệu VND (1/1/2022: 379.009 triệu VND) (Thuyết minh 8).

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.715.592.886	2.263.720.369
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	2.105.538.154	2.140.421.517
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	2.500.000.000
Sử dụng trong năm	(2.070.561.000)	(4.188.549.000)
Số dư cuối năm	2.750.570.040	2.715.592.886

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	150.000.000.000	15.050.956.749	110.092.393.885	275.143.350.634
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	22.808.430.344	22.808.430.344
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	(2.140.421.517)	(2.140.421.517)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(25.500.000.000)	(25.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	150.000.000.000	15.050.956.749	102.760.402.712	267.811.359.461
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	22.110.763.082	22.110.763.082
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	-	-	(2.105.538.154)	(2.105.538.154)
Cổ tức (Thuyết minh 18)	-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	150.000.000.000	15.050.956.749	85.265.627.640	250.316.584.389

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

18. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 22.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 25.500 triệu VND (tương đương 1.700 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

Tại cuộc họp ngày 1 tháng 8 năm 2022 và ngày 18 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 15.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.589.405.963	5.413.197.905
Từ hai đến năm năm	13.325.032.072	14.337.089.397
Sau năm năm	100.558.358.472	68.967.934.895
	<hr/>	<hr/>
	117.472.796.507	88.718.222.197
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	196	4.577.626	196	4.440.453
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.009.800.000	-
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022	2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	625.525.458.797	477.986.121.450
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.167.940.753.445	870.093.881.559
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	542.415.294.648	392.107.760.109
▪ Bán phế liệu	7.974.429.213	6.488.308.498
▪ Doanh thu khác	289.803.197	270.172.395
	633.789.691.207	484.744.602.343

22. Giá vốn hàng bán

	2022	2021
	VND	VND
Thành phẩm đã bán	569.633.059.987	428.731.864.474
	569.633.059.987	428.731.864.474

23. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.279.323.051	3.085.224.119
Chi phí hoa hồng	2.645.865.000	2.546.235.000
Chi phí bán hàng khác	661.556.500	759.570.500
	6.586.744.551	6.391.029.619

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	8.027.023.157	8.297.091.454
Chi phí khấu hao	980.137.807	1.265.310.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	279.328.357	1.321.070.270
Chi phí quản lý khác	6.831.122.840	4.915.338.497
	<hr/>	<hr/>
	16.117.612.161	15.798.810.254
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí khác

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	7.449.270.360	-
Chi phí thuê máy móc tạm ngừng hoạt động	3.201.716.196	-
	<hr/>	<hr/>
	10.650.986.556	-
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	469.829.513.885	316.541.726.822
Chi phí nhân công và nhân viên	40.391.593.084	39.086.389.359
Chi phí khấu hao và phân bổ	48.304.572.280	48.604.825.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.327.693.718	33.239.600.118
Chi phí khác	12.575.424.564	11.640.309.421
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	8.070.005.192	5.800.077.243

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.180.768.274	28.608.507.587
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.036.153.655	5.721.701.517
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.345.833.367	240.013.129
Các khoản chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	15.322.963	(11.637.403)
Thu nhập không bị tính thuế	(327.304.793)	(150.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.070.005.192	5.800.077.243

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 54121000019 ngày 13 tháng 2 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2017) theo Khoản 1, Điều 35 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	22.110.763.082	22.808.430.344
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.105.538.154)	(4.640.421.517)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.005.224.928	18.168.008.827
	<hr/>	<hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 15.000.000 cổ phiếu.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng hóa	29.100.000	35.028.000
Bán khác	136.523.965	-
Cổ tức đã nhận	1.500.000.000	750.000.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.097.108.428.970	803.458.720.530
Bán khác	9.049.697	-
Mua nguyên vật liệu	422.893.070.072	261.558.490.683
Thuê công cụ dụng cụ	3.201.716.196	-
Cổ tức đã trả	7.500.000.000	5.100.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn – Nhà máy Bia Sài Gòn – Củ Chi		
Mua nguyên vật liệu	29.673.000	25.956.000
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua vật liệu bao bì	20.488.847.087	21.320.473.967
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	-	376.199.886
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Giao dịch khác	34.000.000	-
Mua nguyên vật liệu	-	3.260.746
Mua tài sản cố định	-	1.550.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch	480.000.000	480.000.000
Ông Lê Hồng Xanh – Thành viên	54.500.000	180.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Lâm Du An – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Duy Phong – Thành viên	125.500.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	4.841.250.000	3.532.261.400
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Đinh Việt Anh – Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Ông Phạm Đình Hùng – Thành viên	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên – Thành viên	60.000.000	60.000.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 6 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Cẩm Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc